

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 7 - 2017
V/v Ly hôn giữa chị T và anh T1

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Duyên
2. Bà Nguyễn Thị Như Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên

Ngày 13/7/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương xét xử sơ thẩm công khai vụ án “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” thụ lý số: 77/2017/TLST-HNGĐ ngày 19/4/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/QĐXXST - HNGĐ ngày 20/6/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1988; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn V, xã V1, huyện T, tỉnh V3.

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Văn T1**, sinh năm 1990; có mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện K, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 4 năm 2017 và trong quá xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T1 quen nhau, yêu nhau từ khi anh T1 đi nghĩa vụ quân sự và đóng quân trên quê chị. Năm 2012, được hai bên gia đình đồng ý và đã tổ chức lễ cưới hỏi, sống như vợ chồng và chưa làm thủ tục đăng kí kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống với nhau được hai tháng tại nhà đẻ anh T1 thì anh T1 tiếp tục sang Hàn Quốc lao động còn chị ở

nhà đi làm may công nghiệp. Từ năm 2012 đến cuối năm 2013 vợ chồng chung sống hạnh phúc, chị và gia đình anh T1 không có mâu thuẫn gì. Đầu năm 2014, khi anh T1 từ Hàn Quốc trở về thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Anh thường kiêu có xúc phạm chị và không tôn trọng chị. Vì lấy chồng xa nên chị cố chịu đựng để gia đình yên ấm. Khi chị có thai anh T1 không quan tâm chị mà còn đánh chị. Sinh con được gần một tháng vợ chồng mới đăng ký kết hôn, đăng ký ngày 06/10/2016. Sau khi có con, anh T1 vẫn không thay đổi nên khoảng tháng 2/2017 chị đưa con về nhà mẹ đẻ chơi và không trở về chung sống với anh T1 nữa mặc dù anh T1 có lên tìm chị về nhiều lần. Xác định không còn tình cảm với anh T1, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương giải quyết cho chị được ly hôn anh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 01 con chung là Trần Ngọc H sinh ngày 16/9/2016, hiện đang ở với chị. Khi ly hôn chị nguyện vọng tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh T1 góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị và anh T1 không nợ ai và cũng không cho ai vay tài sản gì.

* Tại bản tự khai ngày 19/5/2017, bị đơn anh Trần Văn T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T1 khai thống nhất với chị T về quá trình chung sống, thời điểm kết hôn và mâu thuẫn. Nhưng nguyên nhân mâu thuẫn không phải như chị T trình bày, anh rất quan tâm đến chị T khi anh đang lao động tại Hàn Quốc, anh thường xuyên gọi điện hỏi thăm và gửi quà cho chị T. Tháng 5/2015, anh trở về nước sinh sống, trước và sau khi chị T sinh con, anh đều chăm lo cho gia đình. Tại phiên tòa anh thừa nhận có nóng có đánh chị T nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Ngày 16/02/2017, mẹ đẻ chị T đến nhà nói đón cháu H lên quê bà chơi, vì cháu còn nhỏ lại đường xa nên bố mẹ anh không đồng ý. Nhưng sau đó anh cũng đồng ý cho hai mẹ con chị T về nhà mẹ đẻ chơi, được một thời gian, anh và gia đình có lên thăm mục đích đón hai mẹ con về nhưng chị T không về. Sau đó anh và gia đình đã nhiều lần lên nói chuyện để đón hai mẹ con chị T nhưng chị T quyết không về đoàn tụ với anh. Chị T xin ly hôn anh, lúc đầu anh không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với chị T. Nay anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Hai bên khai thông nhất có 01 con chung là Trần Ngọc H sinh ngày 16/9/2016 hiện đang ở cùng chị T. Nếu vợ chồng ly hôn, anh yêu cầu trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị T góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện một phần quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh T1; Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc H sinh ngày 16/9/2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu H mới được 9 tháng tuổi; về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên anh T1 không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị T. Về tài sản chung: Cả hai bên đều khai thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy về tài sản không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về pháp luật tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị T.

Về pháp luật nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 quen nhau, yêu nhau và tự nguyện kết hôn, đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V ngày 06/10/2016 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54/2016 - đây là hôn nhân hợp pháp.

Mặc dù tháng 10/2016, chị T và anh T1 mới đăng kí kết hôn nhưng thực tế anh chị đã tổ chức lễ cưới và sống chung như vợ chồng từ năm 2012. Quá trình chung sống đã có thời gian hạnh phúc. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ khoảng tháng 5 năm 2015 thời điểm anh T1 về nước. Chị T không còn tình cảm với anh T1 nên nhận việc đưa con về nhà mẹ đẻ chơi chị không trở về chung sống với anh T1 nữa. Chị và anh T1 sống ly thân từ tháng 2 năm 2017 đến nay mặc dù anh T1 và gia đình nhiều lần lên thăm và muốn đón mẹ con chị T về, nhưng chị T không chấp nhận. Xác minh với đại diện Ủy ban nhân dân xã V thì thấy giữa chị T và anh T1 có xảy ra xô xát, vợ chồng cãi chửi nhau. Nhất là chị T không còn tình cảm với anh T1 và vẫn xin được ly hôn. Tại phiên tòa anh T1 cũng đồng ý ly hôn, như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần áp

dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T, anh T1 ly hôn.

[2] Về con chung: Chị T và anh T1 có 01 con chung là Trần Ngọc H sinh ngày 16/9/2016 hiện đang sống với chị T. Cả hai đều có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu bên kia góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu H chưa được 01 tuổi, còn rất nhỏ nên rất cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ. Do vậy cần giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, anh T1 không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị T, anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung là phù hợp với yêu cầu của chị T và quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Chị T và anh T1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên về tài sản chung không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn T1.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Ngọc H sinh ngày 16/9/2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Văn T1 không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị T và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số số 0000678 ngày 25/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5 Về quyền kháng cáo: Chị T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án; anh T1 có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiên Xương;
- Chi cục THADS huyện Kiên Xương;
- Đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Mai